

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TÂN AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04/QĐ-UBND

Tân An, ngày 11 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai số liệu dự toán
ngân sách năm 2024 của xã Tân An**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TÂN AN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 74/NQ-HĐND ngày 29/12/2023 của Hội đồng nhân dân xã Tân An về việc dự toán ngân sách năm địa phương và phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2024;

Xét đề nghị của công chức Tài chính - Kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách địa phương năm 2024 của UBND xã Tân An (có các biểu kèm theo Quyết định này).

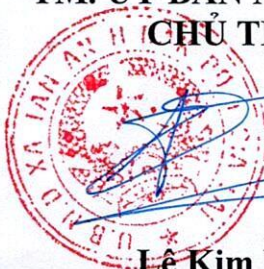
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân xã Tân An, tài chính - kế toán xã tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân huyện;
- Phòng Tài chính - kế hoạch huyện;
- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Cơ quan của các đoàn thể ở xã;
- Các trưởng thôn trong xã;
- Lưu: VT, ...

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Kim Ngọc



DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2024	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	3	4
	TỔNG THU	14.437.000	9.730.200
I	Các khoản thu 100%	270.000	230.000
1	Phí, lệ phí	160.000	120.000
2	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác		
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp		
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định		
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định		
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định		
7	Thu phạt An toàn giao thông	10.000	10.000
8	Thu khác	100.000	100.000
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	7.047.000	2.380.200
1	Các khoản thu phân chia	4.039.000	1.742.200
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	13.000	10.400
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình	25.000	25.000
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		
	Thu khác ngoài quốc doanh	15.000	5.000
	- Thu từ cá nhân KD	300.000	210.000
	- Thu từ tiền lương, tiền công	110.000	77.000
	- Tiền thuê mặt đất	22.000	
	- Thu phạt về thuế		
	- Thuế thu nhập cá nhân	960.000	385.000
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	1.294.000	93.800
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt		
	- Thu tiền sử dụng đất	1.300.000	936.000
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	3.008.000	638.000
	- Thuế giá trị gia tăng và Thuế thu nhập Doanh nghiệp	2.900.000	630.000
	- Thuế Tài nguyên	108.000	8.000
	- Thu tiền cho thuê mặt nước		
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)		
IV	Thu chuyển nguồn		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước		
VI	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương	471.000	471.000
VII	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	6.649.000	6.649.000
	- Thu bổ sung cân đối	4.732.000	4.732.000
	- Thu bổ sung có mục tiêu	1.917.000	1.917.000



Biểu số 105/CK TC-NSNN

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2024		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI	9.730.200	1.499.000	8.231.200
	Trong đó	-	-	
	Chi đầu tư phát triển	1.749.000	1.499.000	250.000
1	Chi giáo dục	55.000		55.000
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	-		
3	Chi y tế	64.800		64.800
4	Chi văn hóa, thông tin	35.000		35.000
5	Chi thể dục thể thao	30.000		30.000
6	Chi bảo vệ môi trường	21.000		21.000
7	Chi các hoạt động kinh tế (Vốn sự nghiệp CTMTQG giảm nghèo: 301.000đ; vốn sự nghiệp CTMTQG XD NTM: 110.000đ)	411.000		411.000
8	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể, quốc phòng, an ninh.	6.692.200		6.692.200
9	Chi cho công tác xã hội	30.000		30.000
10	Chi khác	15.000		15.000
11	Dự phòng ngân sách	156.200		156.200
12	Chi chuyển nguồn cải cách tiền lương	471.000		471.000



Biểu số 111/CK TC-NSNN

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2024
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: 1000 đồng

Tên công trình	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12...	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/...	Dự toán năm 2024			
	Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
							Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
TỔNG SỐ	1.910.000				1.910.000	0	1.910.000	
Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	156.000				156.000		156.000	
Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng; Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	110.000				110.000		110.000	
Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp việc làm bền vững. Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	15.000				15.000		15.000	
Dự án 6: Truyền thông giảm nghèo về thông tin; Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	10.000				10.000		10.000	
Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát đánh giá chương trình; Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện chương trình	10.000				10.000		10.000	
CỘNG VỐN SỰ NGHIỆP CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO	301.000				301.000	0	301.000	

1.910.000.000

Nội dung thành phần số 2: Phát triển hạ tầng kinh tế xã hội. Nội dung 9: Phát triển hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng, chuyển đổi số trong nông nghiệp nông thôn (chi mua sắm sửa chữa thiết bị cho các đài truyền thanh xã)	80.000				80.000		80.000	
Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện chương trình, nâng cao năng lực xây dựng Nông thôn mới, truyền thông về xây dựng Nông thôn mới thực hiện phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng Nông thôn mới. (kinh phí quản lý chương trình)	15.000				15.000		15.000	
Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện chương trình, nâng cao năng lực xây dựng Nông thôn mới, truyền thông về xây dựng Nông thôn mới thực hiện phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng Nông thôn mới. (kinh phí truyền thông, tuyên truyền về xây dựng Nông thôn mới).	15.000				15.000		15.000	
VỐN SỰ NGHIỆP CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI	110.000				110.000	0	110.000	
Đường ngõ xóm thôn Tân Phong, xã Tân An	563.000				563.000		563.000	
CỘNG CHI ĐẦU TƯ TỪ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	563.000				563.000	0	563.000	
Chi thực hiện nhiệm vụ XDNT mới từ nguồn thu tiền sử dụng đất.	936.000				936.000		936.000	
Cộng	936.000				936.000	0	936.000	



Biểu số 112/CK TC-NSNN

KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2024
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2023			KẾ HOẠCH NĂM 2024		
	(năm hiện hành)					
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)
TỔNG SỐ	126.686	95.876	24.900	126.686	114.904	11.782
1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách	126.686	95.876	24.900	126.686	114.904	11.782
Quỹ vì người nghèo	38.160	32.250		38.160	38.160	0
Quỹ đền ơn đáp nghĩa	37.510	24.392	13.118	37.510	37.510	0
Quỹ Chăm sóc Người cao tuổi	38.215	39.234	-1.019	38.215	39.234	-1.019
Quỹ Phòng chống thiên tai	12.801	0	12.801	12.801	0	12.801
Quỹ Bảo trợ trẻ em						
Quỹ bảo vệ và phòng chống rừng						
2. Các hoạt động sự nghiệp						
+ Chợ						
+ Bến bãi						
+						
+ ...						
...						

